

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
BAN KIỂM SOÁT

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Tháng 04 - 2021



MỤC LỤC

Điều	Nội dung	Trang
CHƯƠNG I. QUI ĐỊNH CHUNG		2
Điều 1	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2	Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)		2
Điều 3	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 4	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6	Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7	Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 8	Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT		6
Điều 11	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	6
Điều 12	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13	Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT		8
Điều 14	Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15	Biên bản họp Ban kiểm soát	9
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH		9
Điều 16	Trình báo cáo hàng năm	9
Điều 17	Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 18	Công khai lợi ích liên quan	10
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT		11
Điều 19	Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 20	Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với các cổ đông	11
Điều 21	Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành	11
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		11
Điều 22	Sửa đổi bổ sung quy chế	11
Điều 23	Điều khoản thi hành	12



QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên trong Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan, trên cơ sở tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin, báo cáo, với mục tiêu bảo vệ lợi ích của Công ty và các cổ đông.

3. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực nào thì chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được giao tại lĩnh vực đó. Đồng thời cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật, các công việc và các quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.



3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Có nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1,2,3 và khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;



g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Quy chế này; Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban kiểm soát. Nội dung phân công nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát.

4. Giám sát thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn chung; Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Ban kiểm soát.

5. Triệu tập, chủ trì, chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

6. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát, trên cơ sở nội dung đã được các thành viên trong Ban kiểm soát thông qua.

7. Tham dự cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản trị, họp các chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát khi được mời.

8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

9. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát đi vắng thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Ban kiểm soát để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.



Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước Đại hội đồng cổ đông trước khi biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp, khoản 2 điều 37 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ quy định;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Người ứng cử thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.



CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.



11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động cụ thể của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.
17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
18. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành trong các hoạt động.
19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc (Tổng giám đốc) trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản



lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trong trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Ban kiểm soát có thể họp định kỳ hoặc họp bất thường.

2. Họp Ban kiểm soát định kỳ:

a) Cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát do Trưởng ban kiểm soát triệu tập bất cứ khi nào xét thấy cần thiết, định kỳ 01 quý một lần, ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát là người thông báo triệu tập họp định kỳ và chủ trì cuộc họp.

b) Ban kiểm soát có thể mời thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Thư ký cuộc họp Ban kiểm soát phải có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, diễn biến cuộc họp, lập biên bản cuộc họp.

2. Các nội dung về cuộc họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau:



- a) Mục đích, chương trình và nội dung cuộc họp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Họ tên từng thành viên dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- đ) Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp;
- e) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- g) Các quyết định đã được thông qua;
- h) Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên dự họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của Biên bản họp Ban kiểm soát. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

4. Sổ ghi biên bản và các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát; Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

2. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp; Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

4. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

5. Báo cáo Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát.

6. Đề xuất kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

7. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều lệ trở lên với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.



Điều 17. Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà các thành viên Ban kiểm soát làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần (nếu có); tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ (nếu có); tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 điều này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều lệ trở lên, với thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.



CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với các cổ đông

1. Ban Kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện việc báo cáo kết quả giám sát hoạt động của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty tối thiểu phải bao gồm các nội dung theo Điều 15 quy chế này.

2. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của báo cáo tài chính, các báo cáo khác trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Điều 21. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại Điều 12 Quy chế này; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Ban kiểm soát; tạo điều kiện cho Ban kiểm soát cùng tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi bổ sung quy chế.

1. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung nội dung của bản Quy chế này cho phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật thì các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm đề xuất với Trưởng ban kiểm soát xem xét, quyết định sửa đổi.



Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội

2. Trong trường hợp có sự thay đổi các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty liên quan đến Ban kiểm soát thì Quy chế này cũng phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Quyết định điều chỉnh, sửa đổi bổ sung bản quy chế này có hiệu lực khi các thành viên Ban kiểm soát thống nhất, lấy ý kiến của Hội đồng quản trị và thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội bao gồm 07 chương, 23 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

Trần Thị Ngọc Bích